| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2021
*V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Văn Luận

Ông Đinh Minh Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Sự - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh*** *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Huy Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXX-ST ngày 01/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Đức N, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

Hiện trú tại: 9F, No.500-6, Fuqian st., Xinzhuang Dist., Newtaipei City 24250, Taiwan.

Người ủy quyền nhận văn bản: Luật sư Trần Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn anh Phạm Đức N trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị M có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Ninh ngày 02/4/2010.

Sau khi kết hôn ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, đến cuối năm 2011 chị M đi lao động tại Đài Loan, năm 2014 chị M trở về Việt Nam khoảng 2 tháng thì quay lại Đài Loan. Kể từ thời gian đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và sau đó thì không nói chuyện với nhau. Chị M ở Đài Loan nhưng

không liên lạc với anh và không cho anh biết địa chỉ. Anh được biết chị M vẫn liên lạc qua điện thoại với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Đình Quyến và bà Ngô Thị Phúc tại thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng anh.

Con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thị Mẫn N sinh ngày 16/01/2011 hiện nay đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/5/2021 và ngày 16/6/2021, Tòa án nhân dân (*viết tắt là* TAND) tỉnh Bắc Ninh nhận được Bản tự khai đề ngày 19/5/2021 của Bị đơn chị Nguyễn Thị M gửi có nội dung: Ngày 24/3/2021, chị nhận được thông báo của TAND tỉnh Bắc Ninh về việc Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh Phạm Đức N và chị.

Chị và anh N đăng ký kết hôn ngày 02/4/2010 tại UBND xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự do tìm hiểu không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do số tiền hai vợ chồng đi Đài Loan gửi về cho bố chồng là Phạm Đức Luật được anh N tự ý dùng để xây nhà mà không hỏi ý kiến của chị. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện cũng như muốn đưa ra phương án giải quyết mâu thuẫn tốt nhất nhưng anh N luôn từ chối và không muốn giải quyết nên chị đồng ý ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thị Mẫn N sinh ngày 16/01/2011 hiện nay đang ở với anh N. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng.

Tài sản chung, công nợ: Anh chị tự giải quyết.

Do tình hình dịch Covid-19 nên tất cả các chuyến bay từ Đài loan về Việt Nam đang bị hoãn, chị xin vắng mặt tại tòa án trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp tiếp cận chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án. Đồng thời xin hoãn xử lý vụ án cho đến khi các chuyến bay thương mại được lưu thông lại, khi tình hình dịch bệnh được khống chế giao thông 2 nước trở lại chị sẽ phối hợp và trở về để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Nguyễn Thị M không có mặt, nên Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ cũng như hòa giải được.

Ngày 17/10/2021, ông Trần Văn Hiển giao nộp cho TAND tỉnh Bắc Ninh: Bản trả lời câu hỏi đối với đương sự của chị Nguyễn Thị M và Giấy ủy quyền (chị Nguyễn Thị M ủy quyền cho ông Hiển nhận văn bản và giải quyết tài sản trong vụ án hôn nhân và gia đình với anh Phạm Đức N).

Ông Trần Văn Hiển đề nghị tòa án: Giao con chung cho chị Nguyễn Thị M nuôi dưỡng và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà 3 tầng xây trên đất của gia đình anh N.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị M cũng vắng mặt mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo thủ tục chung.

Anh Phạm Đức N, ông Trần Văn Hiển vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án tới khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Đức N là có căn cứ.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đức N; công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đức N và chị Nguyễn Thị M.

Con chung: Giao cháu Phạm Thị Mẫn N sinh ngày 16/01/2011 cho anh Phạm Đức N nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

Tài sản chung: Do yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị M được thực hiện sau khi tòa án tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên tòa án không thụ lý yêu cầu chia tài sản là có căn cứ; chị Nguyễn Thị M có quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn trong vụ án dân sự khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án: Anh Phạm Đức N và chị Nguyễn Thị M có đủ điều kiện kết hôn, khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh Phạm Đức N và chị Nguyễn Thị M là hợp pháp và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết mâu thuẫn về kinh

tế. Từ đó đến nay hai bên không liên lạc với nhau, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau. Cả hai đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên cùng có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục hôn nhân sẽ gây ảnh hưởng đến đời sống của các bên, đề nghị của các đương sự là hợp pháp, không trái pháp luật và hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống chung nên cần chấp nhận.

Con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thị Mẫn N sinh ngày 16/01/2011 hiện nay đang ở với anh N. Khi ly hôn, cả hai đều có nguyện vọng xin nuôi con chung.

Xét thấy, anh N và chị M đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, chị M hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi con được, trong khi cháu N từ trước đến nay vẫn ở với anh N, bản thân cháu cũng có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy, cần giao con chung cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con: Do anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản chung: Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, tòa án đã giải thích quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị M trong bản mô tả câu hỏi, trong đó có yêu cầu độc lập chia tài sản, thời hạn yêu cầu. Chị Nguyễn Thị M xác định đã hiểu đầy đủ và rõ ràng các quyền nghĩa vụ của mình bằng Bản tự khai đề ngày 19/5/2021 và không yêu cầu chia tài sản chung.

Ngày 29/6/2021, tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1; ngày 29/7/2021 tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 (chị M đều vắng mặt). Nhưng đến ngày 17/10/2021, đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị M nộp Bản tự khai của chị M trong đó có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

Như vậy, yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị M được thực hiện sau khi tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự; do đó tòa án không thụ lý, giải quyết yêu cầu chia tài sản của chị M trong vụ án này. Chị Nguyễn Thị M có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn trong vụ án dân sự khác.

Án phí: Anh Phạm Đức N tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đức N và chị Nguyễn Thị M.

2. Con chung: Giao cho anh Phạm Đức N nuôi con chung là Phạm Thị Mẫn N sinh ngày 16/01/2011, kể từ tháng 10/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không lạm dụng việc thăm nom gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Người được nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

3. Tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Phạm Đức N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0004727 ngày 25/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- *Tòa án cấp cao tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ, vp.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Tuyết Mai**